

ĐẶC TRƯNG CÚ PHÁP VÀ NGỮ DỤNG CỦA HÀNH VI XIN PHÉP TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Mai Hoa
Trường Đại học Quảng Bình

Tóm tắt. Xin phép là một hành vi lời nói đặc biệt trong tiếng Anh và tiếng Việt. Nghĩa của hành vi này không chỉ phụ thuộc vào cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, mà còn phụ thuộc vào các mối quan hệ xã hội của người nói và người nghe như tuổi tác, địa vị xã hội, giới tính... Chính vì thế, mục đích của bài viết là tìm ra một số điểm tương đồng và khác biệt trong hành vi xin phép giữa tiếng Anh và tiếng Việt dưới góc nhìn cú pháp và ngữ dụng học. Kết quả nghiên cứu có thể giúp những người tham gia giao tiếp sử dụng hành vi này một cách hợp lý, hiệu quả trong những ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

1. KHÁI NIỆM HÀNH VI XIN PHÉP

Xin phép là một trong những hành vi lời nói phổ biến trong cuộc sống hàng ngày. Hành vi này được nhiều người sử dụng với những mục đích khác nhau. Tuy nhiên, sự thành công của hành vi lời nói này phụ thuộc vào phong cách giao tiếp của người nói và người nghe. Thông thường, người nói muốn người nghe chấp nhận các câu xin phép của mình mà không làm mất thể diện của người nghe. Đó là lý do tại sao hành vi xin phép đã được rất nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm và nghiên cứu. Searle [7, tr. 56] đã nhận định rằng, bất cứ hành vi lời nói nào, như: lời yêu cầu, lời hứa, lời mời, lời khen, lời xin lỗi, lời xin phép, v.v... cũng được phân chia theo các tiêu chí sau: lực tại lời, hướng của hành động, địa vị xã hội (của người nói và người nghe), mối quan tâm, quan hệ chức năng trong văn bản và ngữ cảnh.

Các đặc điểm văn hóa và lịch sự liên quan đến hành vi yêu cầu hay xin phép cũng được Đào Nguyên Phúc [4, tr. 495] nhấn mạnh trong bài viết của mình. Tác giả đã phân tích tầm quan trọng của động từ permit trong các hành vi xin phép bằng cách so sánh các câu có và không sử dụng động từ này. Hơn nữa, tác giả cũng nhấn mạnh vai trò của người nói và người nghe trong khi thực hiện các hành vi xin phép. Thông thường, người nói có địa vị xã hội cao hơn người nghe hay trong một vài tình huống giao tiếp người nghe có tuổi tác ít hơn người nói.

Trong bài viết “Some features about semantic function of requesting act Let in English”, PGS. TS. Lê Đình Tường đã đề cập đến chức năng ngữ nghĩa của động từ Let giống các động từ permit, allow, request và announce. Đặc biệt, khi chủ định của người nói là các thông tin mới đối với người nghe, thì động từ Let có nghĩa giống động từ permit và allow.

J.Austin (1962) và J.Searle (1991) cho rằng, xin phép là một tiểu loại của Directives theo cách phân loại hàm ý về các hành vi lời nói. Mỗi loại hành động lời nói đều có điều kiện thoả mãn riêng của nó. Đó là những điều kiện mà trong hoàn cảnh cụ

thể, nếu người nói đáp ứng được, thì ý định của anh ta sẽ được thực hiện và hành động lời nói của anh ta sẽ thành công, tức có hiệu quả ngôn ngữ; ngược lại, anh ta (và ý định của anh ta) sẽ thất bại. J. Searle chia các điều kiện này thành bốn loại chính. Đó là: a) Nội dung mệnh đề (propositional content), b) Sự chuẩn bị (preparatory), c) Sự chân thành (sincerity), và d) Căn bản (essential) [8, tr. 627- 628].

Hành vi xin phép có đặc điểm:

- Đích ngôn ngữ là người nói đặt người nghe vào việc cho phép người nói (hoặc ai đó) thực hiện một hành động nào đó;

- Hướng của hành động là làm cho hiện thực khớp với lời nói (direction of fit is world-to-words) và điều kiện chân thành (sincerity) là muốn hoặc khát khao;

- Nội dung mệnh đề (propositional content) luôn luôn là người nghe cho phép người nói (hoặc ai đó) thực hiện một hành động nào đó.

Từ đó, hành động xin phép cũng được xác định có:

1. Điều kiện chuẩn bị: **H** có khả năng, quyền hạn cho phép **S** (hoặc ai đó) thực hiện **A'** như trong các ví dụ sau:

“Thưa sếp, cho phép tôi chiều nay nghỉ có chút việc nhà.”

“Vô phép các bác tôi ra ngoài trước”. [4, tr. 496]

“May I go out, please?”

2. Điều kiện chân thành: **S** muốn **H** cho phép **S** (hoặc ai đó) thực hiện **A'**.

“Cho phép con thư thư vài ngày nữa con xin mang về.” [2, tr. 298]

(Permit me **to** say how pleased I am to see you here this evening.)

3. Điều kiện nội dung mệnh đề: **S** khẳng định việc **H** cho phép thực hiện **A'**.

“Anh cứ để tôi nói. Tôi nói rồi có chết tôi cũng thỏa anh ạ.

Con... con...” [3, tr. 102]

“Let me visit your house this afternoon”

4. Điều kiện cơ bản: Những tính toán của **S** nhằm khiến **H** cho phép **S** (hoặc ai đó) tiến hành **A'**.

2. ĐẶC TRƯNG CÚ PHÁP CỦA HÀNH VI XIN PHÉP

Hành vi xin phép có thể được thể hiện trong câu mệnh lệnh, câu trần thuật, hay trong các dạng thức câu nghi vấn ở thể chủ động và bị động.

2.1. Hành vi xin phép ở dạng thức mệnh lệnh

Trong dạng thức câu mệnh lệnh, hành vi xin phép được sử dụng để diễn tả mục đích của người nói đối với người nghe. Thông thường, các động từ như permit, allow, let, xin, xin phép, xin được phép được sử dụng để hình thành các phát ngôn xin phép và không có chủ ngữ ở đầu mỗi phát ngôn. Trong tiếng Anh, động từ Let được sử dụng nhiều hơn so với 2 động từ permit và allow. Let được sử dụng để ám chỉ một lời đề nghị, một lời yêu cầu hay là một sự xin phép. Chẳng hạn như:

(1) Let me carry that box of papers for you. (*suggestion* - *xin phép được giúp*)

(2) Why don't you let your son walk home from school now? He's eleven years old after all. (*permission*)

Trong khuôn khổ của bài viết, tác giả chỉ đề cập đến “let” như là một sự xin phép.

(3) Let me say how pleased I am to see you here this evening.

(Allow me **to** say how pleased I am to see you here this evening.)

(Permit me **to** say how pleased I am to see you here this evening.)

Cả ba câu trên cùng có nghĩa là:

Hãy cho phép tôi thể hiện niềm vui của mình khi thấy em đến đây tối nay.

Động từ Let trong ví dụ (3) đã thể hiện được quan điểm của người nói trong tình huống này. Người nói đang muốn xin phép người nghe cho phép họ có thể thể hiện niềm vui của họ khi người nghe xuất hiện. Vì vậy, phát ngôn này có thể xem là một phát ngôn xin phép với cách sử dụng động từ “LET”. Tuy nhiên, trong tiếng Việt có thể xuất hiện một số từ hô ngữ trước các phát ngôn xin phép như *thưa, bẩm, lạy* và *báo cáo*. Chúng có ảnh hưởng tương đối lớn trong các phát ngôn xin phép vì khi các từ hô ngữ này được sử dụng, phép lịch sự của phát ngôn sẽ cao hơn và vị trí của người nghe cũng được tôn vinh. Lúc đó, người nghe sẽ dễ dàng chấp nhận lời xin phép của người nói theo hướng tích cực, đặc biệt, nếu có sự tham gia của các từ đệm như *nhé, này, ời, à, đi ...*

(4) Báo cáo thủ trưởng, xin thủ trưởng cho anh em nghỉ một lát. [5, tr. 495]

(5) Thưa chú, trời cũng sắp mưa giông, xin phép chú cho anh em được nghỉ, ngày mai họ tới dọn sớm.

(6) Lạy ông, xin phép ông cho con vào với ba con trong sân đình.

2.2. Hành vi xin phép ở dạng câu nghi vấn

Các trợ động từ: *can, could, may* được sử dụng để thành lập các câu xin phép ở dạng thức câu nghi vấn. Nghĩa tương đương của các trợ động từ này là *be allowed to do some thing*. (xin được làm gì)

Các trợ động từ này tương đối giống nhau về cách sử dụng. *Can* thân mật hơn *Could* và *May*. Ngược lại *Could* và *May* lịch sự hơn *Can* và chúng được sử dụng thường xuyên hơn trong các tình huống giao tiếp. Khi người nói sử dụng 2 trợ động từ *Could* và *May* để hình thành các phát ngôn xin phép, áp lực của lời nói sẽ được giảm một cách đáng kể đồng thời thể diện của người nghe càng được tôn vinh.

(7) Can I put my stuff over here?

(8) May I open the window?

3. CÁC NÉT NGỮ DỤNG CỦA HÀNH VI XIN PHÉP

3.1. Xin phép ai được làm gì trong tương lai

Loại hành vi xin phép này rất phổ biến trong đời sống hàng ngày. Thông thường, người nói muốn tạo ra một hội thoại nhằm mục đích xin phép người nghe cho phép mình thực hiện một hành động nào đó trong tương lai như trong ví dụ sau:

(9) A: Xin phép ông cho con lên tỉnh ít bữa để lo liệu công việc của cháu Liên.

B: Con cứ đi lo cho xong việc, chuyện ở nhà ông lo.

A: Con đội ơn ông nhiều, trăm sự con nhờ cả nơi ông. [4, tr. 496]

(10) A: Quan lớn cho phép con được lui vào nhà trong ạ.

B: Vào đi chứ, đứng ăn vạ ở đây mãi à? [5, tr. 1 54]

3.2. Hành vi xin phép thể hiện tính lịch sự và thể diện

Như chúng ta đã đề cập trong phần mở đầu, hành vi xin phép được thực hiện với mục đích của người nói trong giao tiếp ngôn ngữ qua cách xử thể lịch sự, vừa thể hiện sự tôn trọng người đối thoại (và cũng là để tự tôn trọng mình), vừa nhằm nâng cao hiệu quả, đôi khi, thậm chí người nói thực hiện một hành vi xin phép chỉ để thể hiện phép lịch sự của mình. Người nói muốn tạo ra phép lịch sự trong giao tiếp đối với người nghe và dĩ nhiên là để giữ thể diện cho cả người nói và người nghe, đặc biệt là sự tôn trọng đối với thể diện của người nghe.

(11) A: Xin phép bạn cho mình vào hàng ghế trong.

B: Vâng, mời anh cứ tự nhiên.

(12) A: Xin phép các bạn mình về trước đây.

B: Vâng, anh thông cảm nhé, chúng tôi đang dở câu chuyện.

A: Không sao đâu, các anh cứ tự nhiên.

(13) A: Would you mind if I smoke here?

B: Yes, please. (No, of course not./ No, never mind.)

Theo kết quả của các câu hỏi điều tra ở bảng 1, các số liệu cho thấy 81.24% người bản ngữ nói tiếng Anh và 74,79% người Việt Nam nói tiếng Anh thường sử dụng trợ động từ “*may*” để thực hiện các hành vi xin phép. Kết quả ở bảng 1 cũng chứng minh hầu hết người bản xứ và người Việt Nam nói tiếng Anh đều sử dụng các chiến lược gián tiếp trong khi thực hiện các hành vi xin phép. Đây là kiểu lịch sự trang trọng trong việc thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau giữa những người tham gia giao tiếp. Chúng ta cũng thấy rằng 37,36% người Việt Nam nói tiếng Anh sử dụng động từ “*xin phép*”, trong khi 27,04% người Việt Nam nói tiếng Anh sử dụng động từ “*cho phép*”, 2 động từ này thường được người Việt Nam sử dụng trong giao tiếp để thể hiện phép lịch sự trong văn hóa của người Việt Nam.

Bảng 1. Tần suất sử dụng các hành vi xin phép thể hiện phép lịch sự và thể diện

| Kết quả Người tham gia | | Let | May | Can Could | Allow permit | Cho | Cho phĐp | Xin phĐp | Cã thÓ |
|---------------------------|----|-------|-------|--------------|-----------------|-------|-------------|-------------|-----------|
| N.A | No | 4 | 39 | 3 | 2 | | | | |
| | % | 8.32 | 81.24 | 6.25 | 4.16 | | | | |
| V.A | No | 8 | 36 | 3 | 1 | | | | |
| | % | 16.88 | 74.79 | 6.25 | 2.08 | | | | |
| V.V | No | | | | | 9 | 13 | 19 | 8 |
| | % | | | | | 18.72 | 27.04 | 37.36 | 16.88 |

Ghi chú: (N.A:Người bản xứ nói tiếng Anh; V.A Người Việt nói tiếng Anh; V.V Người Việt nói tiếng Việt)

Tuy nhiên, đối với các câu xin phép mang tính lịch sự và thể diện, trong một vài trường hợp người nói tạo ra các hành vi xin phép không phải để đạt được mục đích giao

tiếp của mình như các hành vi xin phép khác. Mục đích của người nói là chỉ là muốn chọc tức hoặc làm tổn thương lòng tự trọng và làm mất thể diện của người nghe, lúc đó đương nhiên mục đích giao tiếp bị phá vỡ. Ví dụ:

(14) Tôi lại xin phép được kính thưa với lí luận gia, cách mạng gia, học thuyết gia Búa Thép rằng, qua những lời lẽ của ngài thì thấy sao ngài lại không được đi hoạt động ở bên Mỹ hay Ăng- lê gì đó.

3.3. Xin phép cho người thứ ba được làm việc gì

Như đã đề cập ở trên, nghĩa của các phát ngôn xin phép phụ thuộc vào mục đích của những người tham gia giao tiếp. Khi người nói thực hiện một phát ngôn xin phép, chắc chắn họ đã có mục đích của phát ngôn xin phép đó. Có khi phát ngôn được thực hiện chỉ mang tính lịch sự. Trong một vài trường hợp, mục đích của người nói là xin phép người nghe cho phép người thứ ba thực hiện một hành động nào đó trong tương lai.

(15) May A stay at my house tonight?

Trong tình huống này, người nói muốn xin phép người nghe cho phép A ở lại nhà của người nói tối nay.

(16) A: Mẹ cho con với em Nam đi chơi một tí ạ?

B: Đi đâu giờ này nữa, ở nhà ăn cơm.

A: Chúng con đi một lúc thôi.

B: Vậy đi nhanh rồi về.

4. MỘT SỐ NÉT TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT TRONG HÀNH VI XIN PHÉP TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

4.1. Nét tương đồng

Hành vi xin phép, cũng giống như các hành vi lời nói khác, có rất nhiều cách sử dụng phụ thuộc vào mục đích của người tham gia giao tiếp. Tuy nhiên, hành vi lời nói này có một số điểm tương đồng xét trên góc độ cú pháp và ngữ dụng học.

Trước hết, chúng ta có thể thấy rằng, hành vi xin phép trong cả 2 ngôn ngữ đều có cấu trúc ngữ pháp giống nhau (câu mệnh lệnh, câu phát biểu và câu nghi vấn).

- Câu mệnh lệnh: Động từ ngữ vi + Tân ngữ + Nội dung

(17) Mum, allow us to have a party this weekend.

(18) Xin ngài cho phép chúng tôi vào vô phép bà chủ. [2, tr. 214]

(19) Let me say something.

(20) Xin phép cụ con bảo nhà con cái này.

- Câu phát biểu: Chủ ngữ + Động từ ngữ vi + Tân ngữ + Nội dung

(21) Y xin phép vào chơi nhà bác Hàn một lát và y vào tay không.

(22) Tôi xin phép ông tôi hỏi ông.....

- Câu nghi vấn:

(23) Ai cho phép ra mắt vô tổ chức? Thủ trưởng chưa tiếp khách lúc này.

(24) Will you permit me to use your bicycle?

(Anh cho phép tôi mượn chiếc xe của anh được không)

(25) Shall the children be permitted to stay up late tonight?

(Tôi nhỏ có được phép thức khuya đêm nay không?)

(26) Do you mind if I use your phone?

(Tôi dùng điện thoại của chị có phiền không?/

Cho phép tôi mượn điện thoại của chị nhé?)`

Hơn nữa, cách thức dùng để diễn tả lực tại lời trong tiếng Anh và tiếng Việt là giống nhau. Trong tiếng Việt, lực tại lời của hành vi xin phép trực tiếp có thể thông qua các động từ ngữ vi như *xin phép, xin cho phép, được phép* và trong tiếng Anh là *can, may, could, ask for permission, be allowed, be permitted, let*.

4.2. Sự khác biệt

Có thể nói rằng, người Việt Nam nói tiếng Việt thường sử dụng các phương thức trực tiếp để hình thành các phát ngôn về hành vi xin phép. Tuy nhiên, các phương thức này rất lịch sự và giữ được thể diện cho cả người nghe và người nói, bởi vì chúng tuân thủ các nguyên tắc trong giao tiếp. Thanh niên Việt Nam thường sử dụng cách nói trực tiếp khi thực hiện một hành vi xin phép đối với bố mẹ, anh chị, ông bà hay là người lớn tuổi hơn trong gia đình của họ.

Ví dụ:

(27) Let me go to the cinema with my friends tonight.

(Cho con đi xem phim với bạn tối nay)

Nhưng trái lại, thanh niên bản ngữ thường thực hiện các phát ngôn xin phép theo cách nói gián tiếp trong môi trường gia đình

(28) Could I go to the cinema with my friends tonight?

(Con có thể đi xem phim với bạn tối nay không?)

Trong giao tiếp, các mối quan hệ giữa người nói và người nghe không giống nhau và rất đa dạng. Thông thường, đối với người Việt Nam có rất nhiều mối quan hệ như trong gia tộc, họ hàng như là “**cô, chú, bác, ông, bà...**” - “**cháu**”, “**anh, chị**” - “**em**”, “**bố, mẹ**” - “**con**”, giữa “**thầy**” - “**trò**” trong quan hệ thầy, trò và các mối quan hệ xã hội khác như giữa “**giám đốc**” - “**nhân viên**”. Vì vậy, người Việt thường sử dụng các từ hô ngữ “**ông, chú, bác, cô...**”, “**thủ trưởng, giám đốc, sếp...**” ở đầu các phát ngôn không chỉ để tôn vinh thể diện, địa vị xã hội của người nghe đối với người nói, mà còn khẳng định tính lịch sự của các hành vi xin phép và cho phép, cũng như là tạo ra hiệu quả tích cực cho các hành vi giao tiếp này.

(29) **Thưa** bác, xin phép **bác** cho **cháu** lên gác thấp hương. [5, tr. 496]

(30) A: **Thưa** thầy, **thầy** cho phép **bạn Lan** nghỉ học sáng mai ạ.

B: Có chuyện gì xảy ra với Lan à?

A: Dạ, mẹ bạn ấy bị ốm ạ.

Các từ hô ngữ như *thưa, báo cáo, bẩm, lạy*, hay các từ đệm ở cuối câu *như ạ, nhé, ời...* trong tiếng Việt thường được sử dụng đầu hoặc cuối phát ngôn làm cho người nghe cảm thấy mình được tôn trọng và người nói đã thể hiện tính lịch sự của họ trong khi nói làm cho người nghe dễ dàng chấp nhận phát ngôn của người nói và cho phép người nói thực hiện các hành vi trên.

(31) **Báo cáo** thủ trưởng, xin phép thủ trưởng cho anh em nghỉ giải lao một lát.

[5, tr. 495]

(32) **Bẩm** cụ, nhà con dạo này túng quá, xin cụ cho phép con nợ lại vài hôm.

[2, tr. 167]

(33) Ba **oi**, con xin phép ba cho con đi nghỉ mát cùng với lớp vào thứ hai tuần tới.

[4, tr. 188]

Trong khi đó, người bản xứ nói tiếng Anh thường sử dụng các phương thức gián tiếp để thể hiện phép lịch sự với các trợ động từ “may”, “can”, “could” khi thực hiện các hành vi xin phép. Khi người Việt nói tiếng Anh chuyển dịch các phát ngôn của người Việt sang tiếng Anh, nếu họ bị ảnh hưởng lớn bởi nền văn hóa Việt, thì phát ngôn “Xin hãy cho tôi nói” sẽ là “Let me say some thing” (cách nói trực tiếp), ngược lại nếu họ bị ảnh hưởng của nền văn hóa Anh, phát ngôn đó sẽ là “May I speak something?” (cách nói gián tiếp). Đó chính là nét khác biệt được tạo ra giữa tiếng Anh và tiếng Việt do yếu tố văn hóa và cách sử dụng ngôn ngữ của mỗi dân tộc.

5. KẾT LUẬN

Bị chi phối bởi các nền văn hóa khác nhau, hành vi xin phép trong tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều cách biểu đạt khác nhau. Hành vi xin phép tiếng Anh thiên về cách biểu đạt bằng cấu trúc gợi ý về khả năng thực hiện mong muốn của người nói, trong khi đó, hành vi xin phép tiếng Việt với mối quan hệ liên cá nhân giữa người nói và người nghe phong phú và đa dạng thiên về cách biểu đạt bằng hành vi xin phép ngôn hành tường minh. Vì vậy, để hình thành các phát ngôn xin phép trong giao tiếp một cách thành công và có hiệu quả là điều không dễ dàng đối với người Việt Nam học tiếng Anh khi nền văn hóa của hai đất nước này có nhiều điểm khác biệt. Trong phạm vi bài viết, tác giả đã cố gắng chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt xét trên phương diện cú pháp và ngữ dụng học trong cách thể hiện hành vi xin phép cả trong tiếng Anh và tiếng Việt nhằm giúp người học tiếng Anh không chỉ sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp mà còn đạt được mục đích giao tiếp khi hình thành các phát ngôn xin phép.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1] Nguyen Thi Mai Hoa (2007), *Some syntactic and pragmatic features of permitting in English and Vietnamese*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Công Hoan (1996), *Truyện ngắn tập I*, Nxb Văn học.
- [3] Ma Văn Kháng (1994), *20 truyện ngắn hay*, Nxb Văn học.
- [4] Đào Nguyên Phúc (2003), “Mấy vấn đề về văn hoá và phép lịch sự trong hành vi ngôn ngữ xin phép”, *Ngữ học trẻ* (số 22), tr. 494 - 498.
- [5] *Truyện ngắn Việt Nam 1945-1985* (1985), Nxb Văn học.

Tiếng Anh

- [6] Brown, P. & Levinson, S., (1987), *Politeness- Some Universal of Language Usage*,

Cambridge University Press.

[7] Liz & John Soars, (1998), *New Headway-Intermediate (book and workbook)*, Oxford University Press.

[8] Searle, J. R (1969), *Speech Acts*, Cambridge University Press.

[9] Goerge Yule (1996), *Pragmatics*, Oxford University Press.

SYNTACTIC AND PRACMATIC FEAUTURES OF ASKING FOR PERMISSION IN ENGLISH AND VIETNAMESE

Nguyen Thi Mai Hoa
Quang Binh University

Abstract. *“Asking for permission” is a special speech act in both English and Vietnamese. Its meanings depend not only on the structures and vocabulary, but also on the social relationships of speakers and listeners such as age, social status, sex... Therefore, the article aims at finding the similarities and differences of speech act of “asking for permission” in English and Vietnamese in terms of syntactic and pragmatic features. The research results may help communicators use it appropriately and effectively in a particular communicative context.*